

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**cho năm tài chính 2009**

---

HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2010

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 24

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2009.

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thép Bắc Việt được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Sau đó được chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông số 03/NQ/BVS ngày 25 tháng 11 năm 2009 là : **70.000.000.000 VNĐ.** (Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng).

**Khái quát chung về các Công ty con của Công ty:**

1.	Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 210400007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/12/2005.
2.	Công ty TNHH MTV nội thất Bắc Việt	Thành lập theo Quyết định số 10/2007/QDTV-BVS của Hội đồng thành viên ngày 20/11/2007 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc Công ty.
3.	Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0803000490 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 31/01/2008.
4.	Công ty CP Giao nhận vận chuyển Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022288 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/01/2008.
5.	Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300342329 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 23/07/2008.
6.	Công ty Cổ phần Kim khí Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203005457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/06/2009.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tôi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính);
- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;

Địa chỉ: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3655 9257 Fax: (84 - 04) 3873 3648

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2009 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Trí	Thành viên
Ông Phạm Cương	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Thành viên
Bà Tạ Thu Hằng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Anh Vương	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Phó giám đốc

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103025395 thay đổi lần 1 ngày 03 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thì vốn điều lệ của Công ty là 108.000.000.000 đồng.

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc ngoài sự kiện nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2009.

025  
ÔNG  
NHỆM  
CÁN VÀ  
VIỆT N  
TRUY

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2009 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2009.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**



**Trần Anh Vương**

**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2010*



Số *HS* 10/BCHN-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày *12* tháng 03 năm 2010

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009**  
**của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt**

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2009 được lập ngày 05 tháng 03 năm 2010 của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên**

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt.

**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt cho năm tài chính 2009:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính 2009; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan,

Báo cáo kiểm toán được lập thành năm (05) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



**Trần Quốc Tuấn**

Tổng Giám đốc

Chứng chủ kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Ngô Bá Duy**

Kiểm toán viên

Chứng chủ kiểm toán viên số: 1107/KTV





## BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>181.775.752.175</b>	<b>132.948.647.055</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>19.283.016.149</b>	<b>5.382.384.174</b>
1 Tiền	111	V.1.	19.283.016.149	5.382.384.174
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>68.140.897.061</b>	<b>69.413.697.146</b>
1 Phải thu của khách hàng	131		57.850.570.087	68.931.567.600
2 Trả trước cho người bán	132		10.334.948.270	506.658.328
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	1.584.234.200	157.878.675
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.628.855.497)	(182.407.457)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>72.346.894.220</b>	<b>54.886.861.752</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	72.346.894.220	54.886.861.752
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.004.944.745</b>	<b>3.265.703.983</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.435.279.326	542.037.084
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.364.195.584	180.844.036
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	355.824.592	1.289.719.043
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5.	13.849.645.243	1.253.103.820
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>116.747.091.273</b>	<b>38.059.271.844</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>86.755.805.072</b>	<b>35.758.706.486</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	59.965.363.628	33.915.918.641
- Nguyên giá	222		83.952.920.446	51.324.709.961
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.987.556.818)	(17.408.791.320)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	3.982.845.235	1.782.384.371
- Nguyên giá	228		4.429.224.770	2.029.729.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(446.379.535)	(247.345.099)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	22.807.596.209	60.403.474
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10.594.931.120</b>	<b>2.168.347.134</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.534.931.120	486.577.679
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.9.	3.060.000.000	1.681.769.455
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.396.355.081</b>	<b>132.218.224</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		19.186.631.475	132.218.224
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		209.723.606	-
<b>VI Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>298.522.843.448</b>	<b>171.007.918.899</b>

2020  
ÔNG  
NHỆM  
JAN VÀ  
ET N  
IV - T



## BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>203.193.832.023</b>	<b>110.500.385.206</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>155.990.552.745</b>	<b>100.166.983.856</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.	106.734.415.576	34.742.502.744
2 Phải trả người bán	312		33.229.959.664	38.652.457.909
3 Người mua trả tiền trước	313		9.881.813.502	23.205.192.214
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11.	4.260.237.296	2.614.716.273
5 Phải trả người lao động	315		868.931.489	278.411.594
6 Chi phí phải trả	316		63.330.990	-
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12.	951.864.228	673.703.122
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>47.203.279.278</b>	<b>10.333.401.350</b>
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.13.	47.203.279.278	10.333.401.350
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>94.381.189.731</b>	<b>58.764.190.899</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14.</b>	<b>93.857.144.764</b>	<b>57.894.521.584</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	56.971.910.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		4.123.370.800	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		121.420.690	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		800.000.000	800.000.000
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		18.812.353.274	122.611.584
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>524.044.967</b>	<b>869.669.315</b>
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		524.044.967	869.669.315
3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>947.821.694</b>	<b>1.743.342.794</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>298.522.843.448</b>	<b>171.007.918.899</b>

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng

Giám đốc  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THÉP  
BẮC VIỆT  
Q. LONG BIÊN - TP. HÀ NỘI



Trần Anh Vương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Đơn vị tính: VND
				Từ 01/07/2008 đến 31/12/2008
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.15.	428.577.677.901	317.803.696.198
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.16.	-	9.684.545
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VL.17.	428.577.677.901	317.794.011.653
4 Giá vốn hàng bán	11	VL.18.	380.729.589.467	287.895.423.017
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		47.848.088.434	29.898.588.636
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.19.	133.287.980	299.957.202
7 Chi phí tài chính	22	VL.20.	7.610.643.801	9.528.968.745
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.608.248.173	9.528.968.745
8 Chi phí bán hàng	24		767.388.134	601.323.245
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.673.543.794	7.492.601.116
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		19.929.800.686	12.575.652.732
11 Thu nhập khác	31		2.371.461.813	219.478.751
12 Chi phí khác	32		1.205.424.652	24.038.546
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.166.037.161	195.440.205
14 Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(139.525.880)	5.879.321
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		20.956.311.967	12.776.972.258
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.317.694.304	509.502.746
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(209.723.606)	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		18.848.341.269	12.267.469.512
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		55.745.957	216.657.206
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		18.792.595.312	12.484.126.718
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.21.	3.137	2.667

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2010  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng

Trần Anh Vương



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Từ 01/07/2008

đến 31/12/2008

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		487.209.773.553	321.369.048.359
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(540.004.063.891)	(232.252.653.275)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(8.550.462.771)	(3.565.835.549)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(7.544.917.183)	(9.055.035.201)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(192.747.586)	(3.136.161.570)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		9.492.271.908	7.254.446.025
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(34.146.295.209)	(5.610.965.748)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(93.736.441.179)</b>	<b>75.002.843.041</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.159.705.510)	(1.128.497.619)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		123.809.524	219.047.619
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(36.735.843.000)	(1.681.742.273)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		133.287.980	10.279.254.545
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(38.629.451.006)</b>	<b>7.688.062.272</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		37.415.303.800	36.533.053.736
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		306.603.470.576	68.728.587.671
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(197.753.075.444)	(157.217.717.464)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(25.352.445.082)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>146.265.698.932</b>	<b>(77.308.521.139)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>13.899.806.747</b>	<b>5.382.384.174</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1.	5.382.384.174	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		825.228	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1.</b>	<b>19.283.016.149</b>	<b>5.382.384.174</b>

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng



Trần Anh Vương



**BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2009

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thép Bắc Việt được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Sau đó được chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông số 03/NQ/BVS ngày 25 tháng 11 năm 2009 là : 70.000.000.000 VND. (Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng sắt thép, kim khí xây dựng cơ bản và gia công sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép kết cấu thép.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tỏi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cần điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính);
- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;

Địa chỉ: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: 04 3655 9257 Fax: 04 3873 3648

**4. Danh sách các công ty con được hợp nhất của Công ty**

- Số lượng công ty con: 6 công ty



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2009

(tiếp theo)

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 6 công ty

1.	Công ty TNHH Kết Cấu Thép Bắc Việt	Địa chỉ: xã Phương Liễn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
2.	Công ty TNHH MTV nội thất Bắc Việt	Địa chỉ: Lô 8+9 B1.5 Phan Đăng Lưu, Cẩm Lệ, Đà Nẵng Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
3.	Công ty Cổ phần công nghiệp Bắc Việt	Địa chỉ: Tô Hiệu, Đông Quang, Đông Hưng, Thái Bình Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
4.	Công ty Cổ phần Kim khí Bắc Việt	Địa chỉ: KCN Đình Vũ, Đông Hải 2, An Hải, Hải Phòng Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80%
5.	Công ty Cổ phần công nghệ Bắc Việt	Địa chỉ: xã Phương Liễn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 65% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65%
6.	Công ty CP giao nhận vận chuyển Bắc Việt	Địa chỉ: Số 109/53 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

5. **Danh sách các Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt

Địa chỉ: Số 109/53 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích: 35%

Quyền biểu quyết: 35%

Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt

Địa chỉ: Số 109/53 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích: 34%

Quyền biểu quyết: 34%

II. **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Năm 2009****(tiếp theo)****2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất****Các công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp từ 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 31/12/2009. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Công ty con và giữa Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

**Các công ty liên kết**

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó không được ghi nhận.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.



**BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2009

(tiếp theo)

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

*Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

**Loại tài sản cố định****Thời gian khấu hao <năm>**

Nhà cửa vật kiến trúc

6

Máy móc, thiết bị

5-6

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

6-7

Thiết bị, dụng cụ quản lý

3-5

**4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất có thời hạn 45 năm, phần mềm kế toán Misa và phần mềm quản lý Easy và tài sản cố định vô hình khác.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Năm 2009****(tiếp theo)**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình.

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</b>
Quyền sử dụng đất	45
Phần mềm máy vi tính	4
TSCĐ vô hình khác	5

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu và đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt được ghi nhận theo phương pháp giá gốc kể từ ngày bắt đầu góp vốn đầu tư.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Giá trị bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê;

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Trong kỳ đơn vị tăng vốn từ 68.000.000.000 đồng lên 70.000.000.000 đồng theo theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông số 03/NQ/BVS ngày 25 tháng 11 năm 2009. Tuy nhiên, Công ty chưa đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tổ thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tổ sai sót trọng yếu của các năm trước.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Năm 2009****(tiếp theo)****10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thép, sắt gỗ, kết cấu thép, gia công kết cấu thép, cắt thép và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****13.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Năm 2009****(tiếp theo)****13.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

**13.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

**13.4 Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với sản phẩm thép và gia công thép, 10% đối với hoạt động lắp đặt và các mặt hàng khác.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên thuế suất và thu nhập chịu thuế của từng Công ty trong tập đoàn.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại***

Là tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định của phần lãi chưa thực hiện bán tài sản từ Công ty mẹ, Công ty TNHH Kết cấu cho Công ty Cổ phần Công nghệ.

***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**13.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	6.693.588.811	2.808.453.318

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

(tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng	12.589.427.338	2.573.930.856
<b>Cộng</b>	<b>19.283.016.149</b>	<b>5.382.384.174</b>
<b>2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu khác	1.584.234.200	157.878.675
<b>Cộng</b>	<b>1.584.234.200</b>	<b>157.878.675</b>
<b>3. Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	1.825.093.552	444.780.284
Công cụ, dụng cụ	396.008.410	45.587.156
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.928.361.701	10.057.960.820
Thành phẩm	908.161.665	1.535.815.645
Hàng hoá	57.289.268.892	42.802.717.847
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>72.346.894.220</b>	<b>54.886.861.752</b>
<b>4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế xuất nhập khẩu	320.278.823	1.225.355.868
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.545.769	64.145.432
Thuế thu nhập cá nhân	-	217.743
<b>Cộng</b>	<b>355.824.592</b>	<b>1.289.719.043</b>
<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	3.792.560.471	652.036.500
Lê Văn Cường	-	15.000.000
Vũ Ngọc Trường	-	18.000.000
Trịnh Nam Trung	5.000.000	22.000.000
Ngô Xuân Lộc	38.000.000	34.000.000
Nguyễn Văn Mừng	137.750.000	-
Tạ Anh Tuấn	203.795.000	-
Trần Anh Vương	1.027.562.941	270.000.000
Vũ Hữu Trí	1.179.697.500	-
Các đối tượng khác	1.200.755.030	293.036.500
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	601.067.320
Các khoản thế chấp, ký quỹ ký cược	10.057.084.772	-
<b>Cộng</b>	<b>13.849.645.243</b>	<b>1.253.103.820</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3655 9257 Fax: (84 - 04) 3873 3648

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính 2009

Mẫu số B09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2009

(tiếp theo)

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình							Đơn vị tính: VNĐ
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng	
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2009	15.365.433.910	20.843.550.035	12.907.446.219	1.395.242.508	813.037.289	51.324.709.961	
Mua trong năm	-	25.935.597.559	6.483.725.974	219.605.461	-	32.638.928.994	
Đầu tư XD/CB hoàn thành	3.037.268.620	-	-	-	-	3.037.268.620	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	(71.428.571)	(1.436.042.584)	-	-	(1.507.471.155)	
Giảm khác	-	(1.360.268.679)	-	(180.247.295)	-	(1.540.515.974)	
Số dư ngày 31/12/2009	18.402.702.530	45.347.450.344	17.955.129.609	1.434.600.674	813.037.289	83.952.920.446	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2009	5.085.633.367	8.091.230.743	3.349.835.793	754.213.746	127.877.671	17.408.791.320	
Khấu hao trong năm	2.173.057.750	2.751.884.913	1.690.276.309	219.166.140	80.436.434	6.914.821.546	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	(69.047.608)	(267.008.440)	-	-	(336.056.048)	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2009	7.258.691.117	10.774.068.048	4.773.103.662	973.379.886	208.314.105	23.987.556.818	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2009	10.279.800.543	12.752.319.292	9.557.610.426	641.028.762	685.159.618	33.915.918.641	
Tại ngày 31/12/2009	11.144.011.413	34.573.382.296	13.182.025.947	461.220.788	604.723.184	59.965.363.628	

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.296.801.639 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.559.832.663 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

(tiếp theo)

## 7. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2009	1.136.989.470	552.740.000	340.000.000	2.029.729.470
Mua trong năm	2.356.389.300	-	43.106.000	2.399.495.300
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2009	3.493.378.770	552.740.000	383.106.000	4.429.224.770
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2009	25.266.432	103.078.660	119.000.007	247.345.099
Khấu hao trong năm	25.266.432	105.768.000	68.000.004	199.034.436
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2009	50.532.864	208.846.660	187.000.011	446.379.535
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2009	1.111.723.038	449.661.340	220.999.993	1.782.384.371
Tại ngày 31/12/2009	3.442.845.906	343.893.340	196.105.989	3.982.845.235

## 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2009

01/01/2009

VND

VND

Dự án Logictis Bắc Ninh	99.332.273	28.684.273
Thiết bị công trình dở dang	1.082.901	1.082.901
Công trình nhà xưởng công nghệ	22.646.544.735	-
Công trình khác	60.636.300	30.636.300
<b>Cộng</b>	<b>22.807.596.209</b>	<b>60.403.474</b>

## 9. Đầu tư dài hạn khác

31/12/2009

01/01/2009

VND

VND

Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	-	1.681.769.455
Công ty CP Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt.	3.060.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.060.000.000</b>	<b>1.681.769.455</b>

## 10. Vay và nợ ngắn hạn

31/12/2009

01/01/2009

VND

VND

Vay ngắn hạn	106.734.415.576	34.742.502.744
Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex	30.615.911.375	10.950.000.000

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

(tiếp theo)

<i>Ngân hàng NN&amp;PTNT chi nhánh Khâm Thiên</i>	26.720.399.555	6.700.000.000
<i>Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam</i>	13.676.997.910	-
<i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt</i>	30.000.000.000	-
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải</i>	-	8.670.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Techcombank</i>	-	3.000.000.000
<i>Trần Anh vương</i>	-	1.200.000.000
<i>Tạ Thu Hằng</i>	4.043.143.336	-
<i>Anh Phương</i>	-	2.130.000.000
<i>Các đối tượng khác</i>	1.677.963.400	2.092.502.744
<b>Cộng</b>	<b>106.734.415.576</b>	<b>34.742.502.744</b>
<b>11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT đầu ra	1.063.239.886	2.428.352.301
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	877.429.722	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.273.534.529	177.187.474
Thuế thu nhập cá nhân	46.033.159	9.176.498
<b>Cộng</b>	<b>4.260.237.296</b>	<b>2.614.716.273</b>
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
<b>12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	187.799.358	189.357.687
Bảo hiểm xã hội	459.225.328	437.545.435
Phải trả, phải nộp khác	304.839.542	46.800.000
<b>Cộng</b>	<b>951.864.228</b>	<b>673.703.122</b>
<b>13. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>47.203.279.278</b>	<b>10.333.401.350</b>
<i>Ngân hàng CPTM Quân Đội</i>	552.000.000	736.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt</i>	6.972.401.350	-
<i>Ngân hàng TMCP Phương Đông</i>	120.831.000	-
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải</i>	-	9.597.401.350
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần PG Bank</i>	39.558.046.928	-
<b>Cộng</b>	<b>47.203.279.278</b>	<b>10.333.401.350</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

(tiếp theo)

## 14. Vốn chủ sở hữu

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/09	56.971.910.000	-	122.611.584	57.094.521.584
Tăng vốn trong năm nay	13.028.090.000	-	-	13.028.090.000
Lãi trong năm nay	-	4.123.370.800	18.792.595.312	22.915.966.112
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	102.853.622	102.853.622
Số dư tại ngày 31/12/09	70.000.000.000	4.123.370.800	18.812.353.274	92.935.724.074

## b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Trần Anh Vương	21.730.000.000	21.730.000.000
Vũ Hữu Tri	21.730.000.000	21.730.000.000
Tạ Thu Hằng	1.300.000.000	1.400.000.000
Nguyễn Hữu Bảo	1.335.600.000	1.335.600.000
Phạm Cường	1.972.000.000	1.972.000.000
Nguyễn Hồ Quảng	5.000.000.000	-
Đặng Đức Dũng	1.100.000.000	-
Các đối tượng khác	15.832.400.000	8.804.310.000
Cộng	70.000.000.000	56.971.910.000

## c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2009 VND	Từ 01/07/2008 đến 31/12/2008 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	70.000.000.000	56.971.910.000
Vốn góp đầu năm	56.971.910.000	-
Vốn góp tăng trong năm	13.028.090.000	56.971.910.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	70.000.000.000	56.971.910.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

## d) Cổ phiếu

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	6.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.000.000	6.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	6.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

(tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	5.697.191
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	5.697.191
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

Đơn vị tính: VND

e) Các quỹ của công ty	01/01/2009	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2009
Quỹ đầu tư phát triển	800.000.000	-	-	800.000.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	869.669.315	1.000.000	346.624.348	524.044.967

Mục đích trích lập các quỹ tại Công ty

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của doanh nghiệp là quỹ thưởng cho các cá nhân có thành tích trong sản xuất kinh doanh, phục vụ cho phúc lợi của cán bộ công nhân viên trong Công ty, được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã chia cổ tức cho các cổ đông và trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

## VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

15. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2009 VND	Từ 01/07/2008 đến 31/12/2008 VND
Doanh thu hoạt động bán hàng hóa và dịch vụ	428.577.677.901	317.803.696.198
Cộng	428.577.677.901	317.803.696.198
16. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2009 VND	Từ 01/07/2008 đến 31/12/2008 VND
Chiết khấu thương mại	-	9.684.545
Cộng	-	9.684.545
17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2009 VND	Từ 01/07/2008 đến 31/12/2008 VND
Doanh thu hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	428.577.677.901	317.794.011.653
Cộng	428.577.677.901	317.794.011.653



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

(tiếp theo)

18. Giá vốn hàng bán	Năm 2009	Từ 01/07/2008
	VND	đến 31/12/2008 VND
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ	380.729.589.467	287.895.423.017
<b>Cộng</b>	<b>380.729.589.467</b>	<b>287.895.423.017</b>
19. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2009	Từ 01/07/2008
	VND	đến 31/12/2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	133.287.980	299.957.202
<b>Cộng</b>	<b>133.287.980</b>	<b>299.957.202</b>
20. Chi phí tài chính	Năm 2009	Từ 01/07/2008
	VND	đến 31/12/2008 VND
Chi phí lãi vay	7.608.248.173	9.528.968.745
Chênh lệch tỷ giá	2.395.628	-
<b>Cộng</b>	<b>7.610.643.801</b>	<b>9.528.968.745</b>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2009	Từ 01/07/2008
	VND	đến 31/12/2008 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.792.595.312	12.267.469.512
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.989.827	4.599.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.137	2.667

## VII. Những thông tin khác

## 1. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ 01/07/2008 đến 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Người lập



Nguyễn Thị Thông

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2010  
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Trần Anh Vương